

Số: 502/QĐ-CNS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt yêu cầu báo giá
gói thầu mua băng tải các loại.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-HĐTV ngày 19 tháng 11 năm 2025, của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế về lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-CNS ngày 06/6/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về phân công công tác Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 127/UQ-CNS ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-CNS ngày 14/7/2026 của Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu mua băng tải các loại;

Theo đề nghị của Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội tại Tờ trình số 09.234/NMKH ngày 15/7/2026 về việc phê duyệt yêu cầu báo giá gói thầu mua băng tải các loại.

THƯ MỜI BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

Kính gửi: Quý Công ty

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên có nhu cầu mua sắm hàng hóa/dịch vụ cụ thể như sau:

1. Tên hàng hóa/dịch vụ: Bảng tải các loại.
2. Chủ đầu tư: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên.
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh rút gọn.
4. Phương thức lựa chọn nhà thầu: 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ.
5. Phí mua Yêu cầu báo giá: Hồ sơ yêu cầu được phát hành miễn phí trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<https://www.cns.com.vn>) ngay sau khi đăng tải Quyết định phê duyệt yêu cầu báo giá gói thầu, thư mời báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn.
6. Phát hành Yêu cầu báo giá: Trong vòng 10 ngày làm việc từ (ngày 20 tháng 7 năm 2026 đến ngày 03 tháng 8 năm 2026) tại: Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<https://www.cns.com.vn>).
7. Hạn chót nhà thầu nộp Hồ sơ báo giá: 16 giờ 00 ngàythángnăm 2026.
8. Thời gian mở Hồ sơ báo giá: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ hạn chót nộp hồ sơ báo giá.
9. Nơi nhận báo giá:
Tên đơn vị: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội.
Địa chỉ: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội, Lô 26 Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi nhận: Phòng Kế hoạch Kinh doanh.
Người nhận: Bà Lương Trúc Lan. Chức vụ: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh.
Số điện thoại: 090 8295447.
10. Báo giá phải có chữ ký của người báo giá và dấu mộc của Công ty.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC,



Huỳnh Phương

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Gói thầu mua băng tải các loại.

Gói thầu số: 01

Dự toán mua sắm: 501.924.490 đồng

Phát hành ngày: 20/.../.../2026

Ban hành kèm theo Quyết định số 502./QĐ-CNS ngày 20 tháng 3 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC NM



Bùi Đình Danh

307
ÔNG
IG N
CH N
MỘT
4 -

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên.
2. Tên đơn vị mua sắm là: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội.
3. Đơn vị mua sắm mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu mua băng tải các loại. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với lĩnh vực dự thầu, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp và các giấy phép để thực hiện gói thầu (nếu có);
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
5. Hồ sơ năng lực.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm mẫu 03a(1) Chương III).

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư về:

Tên đơn vị: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội.

Địa chỉ: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội, Lô 26 Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận: Phòng Kế hoạch-Kinh doanh.

Người nhận: Bà Lương Trúc Lan. Chức vụ: Phó Phòng Kế hoạch-Kinh doanh.

Số điện thoại: 090 8295447

Thời gian nộp hồ sơ không muộn hơn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát hành yêu cầu báo giá. Các báo giá được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, Đơn vị mua sắm lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Đơn vị mua sắm so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Đơn vị mua sắm có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường thư điện tử và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<https://www.cns.com.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Đơn vị mua sắm sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

1366
CÔNG
HIỆP S
HIỆM H
THÀNH
P. HỒ

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

a. Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật (mm)	Bảo hành	Số lượng (Cái)	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	8080*600*3	12 tháng	01	-Lắp đặt, ép dán băng tải tại Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội. -Tiêu chuẩn chất lượng băng tải sử dụng được cho ngành thực phẩm.
2	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	6000*600*3		01	
3	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	11300*500*3		01	
4	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	15000*500*3		01	
5	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	23750*1100*3		01	
6	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	21590*450*3 (có gân dẫn hướng)		01	
7	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	17950*1200*3		01	
8	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	11950*1100*2,5		01	
9	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	7250*900*3		01	
10	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	24450*1450*2,5		01	
11	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	8770*1200*1,5		01	
12	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	17250*900*3		01	
13	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	6350*600*3		01	
14	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	10900*1000*3		01	
15	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	9600*1200*2,5		01	

16	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tron)	28900*700*3		01	
17	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tron)	15330*600*3		01	
18	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tron)	12400*600*3		01	
19	Rèm băng tải	Bề ngang 80x220.000 Dày 0,8		01	

b. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội, Lô 26 Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

c. Thanh toán:

- Thời gian thanh toán: Bên Mua thanh toán cho Bên Bán trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên Mua nhận đủ hàng hóa, đúng chất lượng và chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Bên Mua thanh toán cho Bên Bán 100% Giá trị hàng hóa theo hóa đơn GTGT bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán, theo từng đợt giao hàng và lắp đặt cụ thể được ghi trên Hợp đồng.



Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: Gói thầu mua Băng tải các loại.

Kính gửi: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu Gói thầu mua Dây ruban các loại theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____
[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Bảng tài các loại	(M)
Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (mm)	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x7)
1	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	8.080*600*3	Cái	01			M1
2	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	6.000*600*3	Cái	01			M2
3	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	11.300*500*3	Cái	01			M3
4	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	15.000*500*3	Cái	01			M4
5	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	23.750*1.100*3	Cái	01			M5
6	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	21.590*450*3 (có gân dẫn hướng)	Cái	01			M6
7	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	17.950*1.200*3	Cái	01			M7
8	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	11.950*1.100*2,5	Cái	01			M8
9	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	7.250*900*3	Cái	01			M9
10	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	24.450*1.450*2,5	Cái	01			M10
11	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	8.770*1.200*1,5	Cái	01			M11
12	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	17.250*900*3	Cái	01			M12
13	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	6.350*600*3	Cái	01			M13
14	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	10.900*1.000*3	Cái	01			M14
15	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	9.600*1.200*2,5	Cái	01			M15

16	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	28.900*700*3	Cái	01			M16
17	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	15.330*600*3	Cái	01			M17
18	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	12.400*600*3	Cái	01			M18
19	Rèm băng tải	Bề ngang 80x220.000 Dây 0,8	Cái	01			M19
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							M=M1+ M2+M3+ M4+M5+ M6+M7+ M8+M9+ M10+M11+ M12+ M13+M14+ M15+ M16+M17+ M18+ M19

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) Đơn vị mua sắm ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (6), (7), (8) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc****HỢP ĐỒNG MUA BÁN
Số:...../2026/HĐMB/CNS-**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên, các bên gồm có:

**BÊN MUA: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH
MỘT THÀNH VIÊN**

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0300713668

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký lần đầu ngày 27/8/2010, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 08/11/2021).

Điện thoại: 028.38255999 - Fax: 028.38255858.

Số tài khoản: 060149300441 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Chi nhánh Quận 4.

Đại diện: Ông **HUỖNH PHƯƠNG** - Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 127/UQ-CNS ngày 03/3/2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên).

BÊN BÁN:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Đại diện: - Chức vụ:

Hai bên thống nhất ký kết, thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua hàng hóa với tiêu chuẩn, số lượng và giá cả và như sau:

1. Tiêu chuẩn, đặc điểm, chất lượng hàng hóa – Đơn giá

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/ Chất lượng/ Đặc điểm hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	8.080*600*3	Cái	01			-Tiêu chuẩn chất lượng băng tải sử dụng được cho ngành thực phẩm.
2	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	6.000*600*3	Cái	01			
3	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	11.300*500*3	Cái	01			
4	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	15.000*500*3	Cái	01			
5	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	23.750*1.100*3	Cái	01			
6	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	21.590*450*3 (có gân dẫn hướng)	Cái	01			
7	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	17.950*1.200*3	Cái	01			
8	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	11.950*1.100*2,5	Cái	01			
9	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	7.250*900*3	Cái	01			
10	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	24.450*1.450*2,5	Cái	01			

371
SNG
3 NG
CH NH
10YT
4-T

11	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	8.770*1.200*1,5	Cái	01			-Tiêu chuẩn chất lượng băng tải sử dụng được cho ngành thực phẩm.
12	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	17.250*900*3	Cái	01			
13	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	6.350*600*3	Cái	01			
14	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	10.900*1.000*3	Cái	01			
15	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	9.600*1.200*2,5	Cái	01			
16	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	28.900*700*3	Cái	01			
17	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	15.330*600*3	Cái	01			
18	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	12.400*600*3	Cái	01			
19	Rèm băng tải	Bề ngang 80x220.000 Dày 0,8	Cái	01			
Cộng tiền hàng							
Thuế GTGT (8%)							
Tổng cộng							

Tổng cộng bằng chữ:.

Thuế GTGT 8% là tạm tính, thuế suất sẽ tính theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.

2. Chi phí vận chuyển

Đơn giá hàng hóa nêu tại khoản 1 Điều này **đã bao gồm** chi phí vận chuyển.

3. Tổng giá trị Hợp đồng

Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là:...

ĐIỀU 2. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM - CÁCH THỨC GIAO/NHẬN HÀNG HÓA

1. Thời gian - Địa điểm giao/nhận hàng hóa

a) Thời gian giao hàng

- Bên Bán giao hàng cho Bên Mua theo từng đợt giao hàng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/ Chất lượng/ Đặc điểm hàng hóa	Đơn vị tính	Đợt 1 trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Đợt 2 Tháng 10/2026	Đợt 3 Tháng 12/2026
1	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	8.080*600*3	Cái	01		
2	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	6.000*600*3	Cái	01		
3	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	11.300*500*3	Cái	01		
4	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	15.000*500*3	Cái	01		
5	Dây băng tải gai PE (băng tải thuốc lá gai)	23.750*1.100*3	Cái	01		
6	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	21.590*450*3 (có gân dẫn hướng)	Cái	01		
7	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	17.950*1.200*3	Cái		01	
8	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	11.950*1.100*2,5	Cái		01	
9	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	7.250*900*3	Cái		01	
10	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá trơn)	24.450*1.450*2,5	Cái		01	

11	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	8.770*1.200*1,5	Cái		01	
12	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	17.250*900*3	Cái		01	
13	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	6.350*600*3	Cái	01		
14	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	10.900*1.000*3	Cái			01
15	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	9.600*1.200*2,5	Cái			01
16	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	28.900*700*3	Cái			01
17	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	15.330*600*3	Cái			01
18	Dây băng tải PE (băng tải thuốc lá tròn)	12.400*600*3	Cái			01
19	Rèm băng tải	Bề ngang 80x220.000 Dày 0,8	Cái			01
Tổng cộng (theo đợt)				07	06	06

- Trường hợp Bên Mua có thay đổi về thời gian giao/nhận hàng hóa, Bên Mua có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên Bán trước thời hạn giao hàng 02 (hai) ngày làm việc.

b) Địa điểm giao hàng

Bên Bán có trách nhiệm giao hàng và lắp đặt cho Bên mua tại địa chỉ: *Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội, Lô 26 Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.*

2. Cách thức giao nhận hàng hóa

a) Trước khi giao hàng, người giao hàng của Bên Bán phải cung cấp cho người nhận hàng của Bên Mua các giấy tờ sau: Biên bản giao nhận hàng hóa/Phiếu xuất kho; Giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân);

b) Khi nhận hàng, Bên Mua có trách nhiệm kiểm tra hàng hóa tại chỗ về việc hàng hóa đủ số lượng, tiêu chuẩn chất lượng như thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng.

c) Trường hợp Bên Mua phát hiện hàng hóa không đủ số lượng hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng đã thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng, hai bên ghi nhận sự việc này vào Biên bản giao nhận hàng hóa; trong đó thể hiện hàng hóa giao không đúng thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng. Trong trường hợp này Bên Bán chịu toàn bộ trách nhiệm đối với vi phạm do giao hàng hóa không đúng thỏa thuận.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

1. Thời hạn thanh toán

Bên Mua thanh toán cho Bên Bán số tiền:..... trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày cả hai điều kiện sau đây đã được thỏa mãn:

- a) Bên Bán đã giao đủ hàng hóa cho Bên Mua;
- b) Bên Bán đã gửi đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán cho Bên Mua.

2. Hình thức thanh toán

Bên Mua chuyển khoản đến số tài khoản của Bên Bán ghi trong Hợp đồng hoặc một số tài khoản khác do Bên Bán chỉ định bằng văn bản (nếu có thay đổi).

3. Hồ sơ thanh toán

Hồ sơ thanh toán bao gồm các loại giấy tờ, tài liệu sau:

- a) Hợp đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho toàn bộ giá trị Hợp đồng;
- b) Biên bản giao nhận hàng hóa/Phiếu xuất kho Bên Bán có chữ ký xác nhận của hai bên;
- c) Biên bản nghiệm thu.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

1. Quyền của Bên Bán

- a) Được yêu cầu Bên Mua thanh toán tiền mua hàng hóa đầy đủ và đúng hạn theo Điều 3 Hợp đồng;
- b) Được yêu cầu Bên Mua bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định pháp luật;
- c) Được hưởng số tiền phạt do Bên Mua vi phạm theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng;

2. Nghĩa vụ của Bên Bán

- a) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho Bên Mua khi giao hàng hóa, cung cấp bản sao giấy chứng nhận kiểm tra mẫu băng tải có mộc dấu của Bên Bán khi ký kết Hợp đồng;
- b) Chịu các rủi ro liên quan đến hàng hóa trước thời điểm chuyển giao hàng cho Bên Mua;

c) Cam kết hàng hóa cung cấp cho Bên Mua là hàng hóa hợp pháp và thuộc sở hữu của Bên Bán;

d) Giao hàng hóa đúng số lượng, tiêu chuẩn, chất lượng, quy cách đóng gói theo Điều 1 Hợp đồng;

đ) Chủ động sắp xếp phương tiện vận chuyển và bảo đảm giao hàng hóa đúng thời hạn, địa điểm theo Điều 2 Hợp đồng, trừ trường hợp Bên Mua thông báo thay đổi;

e) Giao đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Bên Mua khi giao hàng hóa. Trường hợp hồ sơ thiếu sót, Bên Bán có trách nhiệm khắc phục, bổ sung trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc;

h) Bồi thường thiệt hại cho Bên Mua theo quy định pháp luật;

i) Chịu phạt vi phạm về giao hàng theo Điều 6 của Hợp đồng;

k) Bảo mật thông tin và hồ sơ do Bên Mua cung cấp trước, trong và sau khi thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên Mua phát hiện Bên Bán làm lộ thông tin, hồ sơ cho bên thứ ba thì Bên Mua có quyền yêu cầu Bên Bán bồi thường và chấm dứt Hợp đồng.

l) Cử nhân sự bảo đảm về năng lực, trình độ, kinh nghiệm để thực hiện nghĩa vụ của Bên Bán tại địa điểm của Bên Mua; đồng thời trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của Bên Bán, nhân sự này phải chấp hành đúng các quy định về công tác an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường của Bên Mua.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

1. Quyền của Bên Mua

a) Được yêu cầu Bên Bán giao hàng hóa đúng số lượng, tiêu chuẩn, chất lượng theo Điều 1 Hợp đồng và đúng thời hạn, địa điểm theo Điều 2 Hợp đồng;

b) Được yêu cầu Bên Bán giao đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Bên Mua khi giao hàng hóa; khắc phục, nộp bổ sung trong trường hợp hồ sơ thiếu sót;

c) Được tiến hành kiểm tra hàng hóa trước khi nhận hàng;

d) Nhận hoặc không nhận hàng hóa nếu Bên Bán giao hàng hóa trước thời hạn đã thỏa thuận theo Điều 2 Hợp đồng;

đ) Từ chối nhận hàng hóa nếu hàng hoá không phù hợp theo Điều 1 Hợp đồng;

e) Được yêu cầu Bên Bán bảo hành, hướng dẫn sử dụng hàng hoá theo Điều 4 Hợp đồng;

g) Được yêu cầu Bên Bán bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định pháp luật;

h) Được hưởng số tiền phạt do Bên Bán vi phạm theo thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng;

i) Được quyền tạm ngừng thanh toán nếu Bên Bán vi phạm nghĩa vụ liên quan đến cung cấp hàng hóa không đảm bảo theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng hoặc Bên

Bán cung cấp không đầy đủ các loại giấy tờ, tài liệu liên quan đến hàng hóa cho đến khi các Bên Bán khắc phục xong các vi phạm này.

2. Nghĩa vụ của Bên Mua

a) Thanh toán tiền mua hàng hóa đầy đủ và đúng hạn cho Bên Bán theo Điều 3 Hợp đồng;

b) Cử nhân sự kiểm tra, tiếp nhận hàng hóa;

c) Thông báo cho Bên Bán trong trường hợp thay đổi thời hạn giao, địa điểm giao hàng hóa theo Điều 2 Hợp đồng;

d) Chịu phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho Bên Bán theo thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng.

ĐIỀU 6. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI - PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà gây thiệt hại (bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp) cho bên kia thì bên gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường.

2. Trường hợp Bên Mua thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, Bên Mua sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng công bố tại thời điểm vi phạm tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị chậm thanh toán.

3. Trường hợp Bên Bán giao hàng trễ so với thời hạn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên Bán sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) công bố tại thời điểm vi phạm tính trên giá trị hàng hóa giao chậm và số ngày giao trễ hạn nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị hàng hoá giao chậm.

4. Phạt vi phạm 8% tổng giá trị Hợp đồng áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;

b) Khi một bên tự ý chấm dứt Hợp đồng đã có hiệu lực mà không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này hoặc việc chấm dứt Hợp đồng không phải do lỗi của bên kia.

ĐIỀU 7. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng làm cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ.

2. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc

phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Chính phủ...

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng trong thời gian 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng bằng hình thức chuyển trực tiếp thư bảo đảm cho bên kia các bằng chứng về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng đó.

4. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt sự kiện bất khả kháng hoặc khi sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG - CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi được sự thống nhất của các bên và thể hiện bằng văn bản.

2. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

- a) Hợp đồng hết hiệu lực và hai bên không gia hạn Hợp đồng;
- b) Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- c) Một trong hai bên ngừng kinh doanh, không có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, lâm vào tình trạng hoặc bị xem là mất khả năng thanh toán, có quyết định giải thể, phá sản. Trong trường hợp này Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do các bên thỏa thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
- d) Sau khi hai bên hoàn thành tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

3. Thanh lý Hợp đồng

- a) Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, hai bên tiến hành đối soát, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của mỗi bên theo Hợp đồng, làm cơ sở cho việc thanh lý Hợp đồng;
- b) Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày các Bên đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, các Bên phải ký Biên bản thanh lý Hợp đồng. Biên bản thanh lý Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản, Bên Mua giữ 04 (bốn) bản, Bên Bán giữ 02 (hai) bản.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 1. Hai bên cam kết nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có các vấn đề phát sinh thì cùng nhau thương lượng, giải quyết theo nguyên tắc các bên cùng có lợi.
- 2. Khi phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này các bên thống nhất lựa chọn Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 1. Hợp đồng này có hiệu lực từ kể từ ngày ký đến hết ngày 31/7/2027.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**